

Bản án số: 147/2024/HS-ST

Ngày 09-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn – Giáo viên nghỉ hưu

Ông Nguyễn Văn Chiến – Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/HSST-QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với:

- Các bị cáo:

1. Giáp Văn D, sinh năm 2003, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Tổ dân phố số G, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn S và bà Giáp Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B; có mặt.

2. Vi Văn S1, sinh năm 2003, tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Đ và bà Hứa Thị S2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B; có mặt.

3. Dương Đức T1, sinh năm 2004, tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Dương Minh Q và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B; có mặt.

4. Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 30/3/2006, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có; bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 13/9/2006, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Giáp Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có. Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh T2*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T3*: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Mai Trọng Hoài N, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Hoàng Hồng N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Anh Đinh Quốc T5, sinh năm 1976; địa chỉ: TDP C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Ông Dương Minh Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

4. Ông Giáp Văn X, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

5. Bà Giáp Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố số G, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện tại: Thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

6. Bà Hứa Thị S2, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Vũ Quang K; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Văn T3 là bạn quen biết nhau và chơi cùng nhau; trong đó: D và S1 cùng làm thuê đưa đón nhân viên cho anh Giáp Văn T6 - sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã T, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 20 giờ ngày 13/7/2023, Dương Đức T1 có tham gia ăn liên quan sinh nhật một người bạn tên là L ở thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì gặp và quen biết với anh Mai Trọng Hoài N, sinh năm 2003, trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (anh N đang thuê trọ ở thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang). Sau khi liên hoan xong, anh N và T1 cùng rủ nhau đi hát Karaoke. Khoảng 23 giờ cùng ngày 13/7/2023, T1 điện thoại cho Giáp Văn D nhờ D đặt phòng hát, nhân viên thì D đồng ý. Sau đó, D điện thoại cho anh Lương Văn Đ1, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang là quản lý quán K1 (do anh Đinh Quốc T5, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã T, huyện V (nay là tổ dân phố C, phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang là chủ quán) để đặt phòng 201 cho T1 và anh N đến hát. Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô chở anh N đến phòng trọ của D; sau đó D đưa T1 và anh N cùng hai nhân viên của D đến quán K1 để T1 và anh N hát còn D đi về phòng trọ của mình. Tại phòng hát, T1 đã điện thoại cho D bảo D đưa T2, T3 đến quán 162 để hát cùng với T1 và anh N. Khoảng 10 phút, D đưa T2 và T3 đến phòng hát. Tại phòng hát có anh N, T1, T2, T3 cùng hai nhân viên của D hát tại quán Karaoke đến khoảng 04 giờ ngày 14/7/2023 thì T1 và anh N đi xuống quầy lễ tân trả phòng. Tại đây, anh Đỗ Văn V, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang là nhân viên của quán Karaoke yêu cầu T1 và anh N thanh toán trả tiền hát, tiền nhân viên hết 4.200.000 đồng nhưng do T1 và anh N không có tiền trả nên anh Đỗ Văn V đã điện thoại cho D yêu cầu D đến quán để thanh toán tiền (vì D là người gọi điện đặt phòng, nhân viên hát). Khi D đến quán thấy có anh T5 là chủ quán cùng với anh N, T1, T3 và T2 ở đó. Tại đây, D hỏi anh N “Thế Nam bao hết à” thì anh N trả lời “ừ”. D có hỏi T1 và anh N có mang tiền trả tiền phòng, tiền nhân viên quán thì cả T1 và anh N đều nói không mang theo tiền; N nói với D là để tiền ở phòng trọ nên D đã đề nghị với anh T5 cho T1 để lại xe mô tô làm tin, đồng thời anh N cũng tự nguyện để lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của anh N đưa cho nhân viên quán.

Sau đó, D cùng với S1, T2, T1, T3 và anh N đi ra khỏi quán. Khi đi ra ngoài đường cách quán K1 khoảng 05 đến 06 mét, D hỏi anh N “Tiền mày để ở phòng trọ đúng không, tao đưa mày về lấy” thì anh N nói “Không, anh trai em cầm”. D yêu cầu anh N gọi cho anh trai của anh N nhưng anh N không gọi nên D đã dùng tay phải tát 04 đến 05 cái vào mặt anh N và nói “Mày thích lươn lẹo không”, xong D để anh N đi bộ một mình vào khu vực tổ dân phố M. Lúc này, T1, T2 và T3 đi bộ về hướng đường Q, còn D và S1 đi xe mô tô về phòng trọ của D. Khi đi được khoảng 30 mét, D bảo S1 “Giờ quay lại không nó trốn tao biết tìm ai bây giờ” nên D đã quay xe mô tô đuổi theo anh N; trên đường đi gặp T1, T2, T3 đang đi bộ, nhóm của T1 hỏi D “Đi đâu đấy”, D trả lời “Ra chỗ N” sau đó D đi xe đuổi kịp anh

N. Khi gặp anh N, D yêu cầu anh N lên xe, D điều khiển xe mô tô chở anh N ngồi giữa, còn S1 ngồi sau cùng mục đích không cho anh N nhảy xuống xe; khi D điều khiển xe mô tô theo hướng quốc lộ C đến đường đối diện quán 162 rẽ trái (cách quán 162 khoảng 80m) thì D dừng xe lại. Lúc này, T1, T2, T3 vừa đi đến chỗ D, S1 và anh N; D yêu cầu anh N xuống xe ngồi xuống điện thoại cho anh, chị, em ở nhà lấy tiền để D trả cho quán hát nhưng anh N không điện. Lúc này, D đưa điện thoại của D cho S1 bảo S1 quay video clip lại, còn T2 dùng chân đạp vào người anh N làm anh N bị ngã nằm nghiêng dưới đất hai tay ôm đầu, D dùng 01 chiếc dép đang đi ở chân (loại dép xốp) đánh vào đầu anh N; S1 tiếp tục nói “Tóm lại bao giờ mày có tiền trả cho bố mày”, D tiếp tục nói “Đ.mẹ mày đi hát không có tiền mà giám gọi nhân viên nhà bố mày”, vừa chửi D vừa cầm dép đánh 6 đến 7 cái vào mặt và hai tay anh N khi anh N đang ôm đầu; T1 cầm hòn đất màu ở trong bồn hoa (có đường kính khoảng 02cm) ném vào người anh N; S1 nói “Lôi dậy đánh cho bằng tỉnh” thì T2 vào lôi anh N ngồi dậy; D tiếp tục nói “Ngồi dậy bao giờ mày có tiền cho tao, mấy giờ”, anh N nói “8 đến 9 giờ”; còn S1 nói “Căn cước mày đâu đưa căn cước ra đây”, N nói “Căn cước ở phòng”. Trong lúc, T1, D, T2, S1 đe dọa, đánh ép anh N trả tiền quán hát thì T3 đứng cách nhóm của D khoảng 01 mét chứng kiến toàn bộ sự việc, không có hành động gì.

Sau đó, T2 kéo anh N dậy rồi đưa anh N ra xe của D và S1. D điều khiển chở anh N ngồi giữa, S1 ngồi sau để không cho anh N xuống xe, đi về phòng của anh N ở thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại phòng trọ, S1 tiếp tục bắt anh N gọi điện thoại cho mẹ đẻ của anh N là bà Hoàng Hồng N1- sinh năm 1973, trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang để yêu cầu bà N1 chuyển khoản số tiền anh N nợ tiền hát và tiền nhân viên là 4.200.000 đồng, do không có tiền nên bà N1 có khát D đến trưa sẽ chuyển. Sau đó, D chở anh N cùng với S1 đến quán trà đá vông của bà Lê Thị T7- sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang để chờ bà N1 chuyển tiền. Khoảng 08 giờ cùng ngày 14/7/2023, T2, T1, T3 đang ngồi ở quán nước “Huyền M1” ở khu vực gầm cầu vượt Đ nên T1 có gọi điện thoại cho D (lúc này S1 cầm máy của D và nghe) hỏi D ở đâu và bảo S1 đến đón T1. Sinh đi xe mô tô đến đón T1, T2, T3 đến quán vông trà đá của bà T7. Tại đây, cả nhóm của D cùng với anh N mỗi người nằm một chiếc vông ngủ. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà N1 gọi điện cho D hỏi số tài khoản để chuyển tiền theo yêu cầu của D, D cung cấp số tài khoản 91000080720003 (Ngân hàng TMCP Q1). Sau khi có số tài khoản, bà N1 đã nhờ chị Mai Thị D1- sinh năm 1984, trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng và chị Mai Thị L1- sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang chuyển khoản số tiền 2.200.000 đồng, tổng số tiền chuyển 4.200.000 đồng đến tài khoản của D. Sau khi nhận được tiền, D đã trả tiền nước hết 100.000 đồng rồi chở anh N về phòng trọ, khi đi qua cửa nhà trọ của D, D dừng lại rồi cùng với S1, T1, T2 tiếp tục dùng tay, chân đấm, đá đánh nhiều nhát vào người anh N. Lúc này, T3 đứng nhìn chứng kiến toàn bộ sự việc, không có lời nói và hành động gì. Sau đó, D điều khiển xe đưa anh N cùng T1 đến quán 162 để lấy xe và lấy điện thoại cho T1 và anh N. Tại đây, D đã chuyển khoản trả anh T5 số tiền 2.600.000 đồng (tiền do nhóm của anh N hát) và chuyển khoản

trả cho anh Giáp Văn T6 số tiền 1.500.000 đồng là tiền nhân viên. Do trước đó D có quen và chơi cùng với anh Vũ Quang K- sinh năm 2005, trú tại thôn A, xã V, huyện L (cùng làm đưa đón nhân viên) nên sau khi sự việc xảy ra, D đã gửi đoạn Video liên quan đến vụ việc cho anh K nên ngày 25/9/2023, anh K đã giao nộp 01 đoạn Video cho Cơ quan điều tra. Sau khi sự việc xảy ra, do sợ bị nhóm của D đánh nên đến ngày 25/9/2023 anh Mai Trọng Hoài N đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra đề nghị xử lý đối với nhóm của Giáp Văn D. Do biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 25/9/2023 và ngày 26/9/2023, Nguyễn Thanh T2, Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 25/9/2023, anh Vũ Quang K, sinh năm 2005, trú tại thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người làm chứng giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Video đề thời gian 05 giờ 31 phút, thứ sáu, ngày 14 tháng 7 năm 2023 dung lượng 5,9MB liên quan đến vụ việc (do D đã gửi cho anh K nội dung video trước đó).

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng K2- Công an tỉnh B để giám định kỹ thuật số đối với đoạn video đã thu giữ được khi kiểm tra điện thoại của Vũ Quang K có bị chỉnh sửa, cắt ghép hay không. Tại kết luận số 105/KL-KTHS ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Phòng K2- Công an tỉnh B đã kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video gửi giám định có tên “DSLNS0003.MOV” dung lượng 5,9MB, thời lượng 00 phút 44 giây và đã dịch nội dung hội thoại trong video ra văn bản.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đề nghị các ngân hàng liên quan cung cấp thông tin tài khoản, sao kê tài khoản. Ngân hàng Q1 đã xác định, tài khoản số 91000080720003 chủ tài khoản Giáp Văn D; Ngân hàng V2 xác định tài khoản số 0731000878845 chủ tài khoản Đình Quốc T5; Ngân hàng Q1 xác định tài khoản số 65459111 chủ tài khoản Mai Thị D1; Ngân hàng Q1 xác định tài khoản số 0567181111 chủ tài khoản Giáp Văn T6; Ngân hàng A xác định tài khoản số 8209205131658 chủ tài khoản Mai Thị L1 đều có nội dung liên quan đến việc chuyển tiền, nhận tiền.

Bản cáo trạng số: 131/CT-VKS ngày 18/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố các bị cáo Giáp Văn Dân, Vi Văn Sinh, Dương Đức Thắng, Nguyễn Thanh T2 về tội: "*Cướp tài sản*" quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T3 về tội "*Không tố giác tội phạm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

** Về trách nhiệm hình sự:*

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Giáp Văn D từ 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm tù về tội "*Cướp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023; xử phạt bị cáo Vi Văn S1 từ 03

năm 07 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023; xử phạt: Dương Đức T1 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 08 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 02 năm 07 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 390, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “*Không tố giác tội phạm*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, thị xã V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo D, S1, T1, T2, T3 xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn T3 đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 13/7/2023, anh Mai Trọng Hoài N và Dương Đức T1 có nhờ Giáp Văn D đặt phòng hát tại quán K1 ở tổ dân phố Ở tổ dân phố M, thị trấn N do anh Đinh Quốc T8 làm chủ, đồng thời thuê hai nhân viên của D đến phục vụ. Khoảng 04 giờ ngày 14/7/2023, sau khi nhân viên của quán yêu cầu thanh toán số tiền 4.200.000 đồng (tiền hát và tiền nhân viên) thì anh N không có tiền trả nên đã bị nhóm của D gồm: Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 dùng vũ lực (chiếc dép nhựa xộp), đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp và dùng chân, tay đánh, đập nhiều phát vào người anh N làm anh N nằm ngã ra đất yêu cầu anh N phải thanh toán tiền. Sau đó nhóm của D tiếp tục đe dọa, uy hiếp tinh thần, ép anh

N phải gọi điện thoại về cho mẹ đẻ là bà Hoàng Hồng N1 để chuyển tiền và chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng qua tài khoản của Giáp Văn D. Đối với Nguyễn Văn T3 mặc dù không đồng phạm cùng nhóm của Giáp Văn D về hành vi cướp tài sản nhưng T3 đã trực tiếp chứng kiến toàn bộ diễn biến sự việc, biết rõ việc D, S1, T1, T2 có hành vi đe dọa, đánh, ép anh N thanh toán tiền hát, tiền nhân viên nhưng T3 không muốn D, S1, T1, T2 bị xử lý theo quy định pháp luật nên T3 đã không tố giác hành vi phạm tội nêu trên của D, S1, T1, T2.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên các bị cáo Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp tài sản*", Nguyễn Văn T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Không tố giác tội phạm*" như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 về tội "*Cướp tài sản*", theo khoản 1 Điều 168, Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T3 về tội "*Không tố giác tội phạm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về mặt chủ quan của tội phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[5] Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, S1, T1, T2, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội ra đầu thú, nên các bị cáo D, S1, T1, T2 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội mặc dù không có trách nhiệm phải bồi thường nhưng cũng đã tác động gia đình bồi thường cho anh N 2.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò của các bị cáo đối với tội "*Cướp tài sản*": Đây là vụ án đồng phạm giản đơn khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cho từng người. Bị cáo Giáp Văn D là người giữ vai trò cao nhất, trực tiếp sử dụng vũ lực tát, dùng dép xộp đánh anh N. Bị cáo Vi Văn S1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo Giáp Văn D, được quay clip và dùng tay, chân đánh bị hại. Bị cáo T1 là người giữ vai trò tiếp theo trong vụ án, được dùng hòn đất ném vào người anh N. Bị cáo T2 là đồng phạm giúp sức với vai trò thứ yếu, dùng chân đạp vào người anh N làm anh N bị ngã.

[8] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân vai trò của bị cáo, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu, và quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần thiết phải cách ly các bị cáo một thời gian cần thiết mới đủ để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên xét vai trò nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo S1, T1, T2 Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đồng phạm giúp sức cho bị cáo D, không được hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thể hiện tính nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn T3 thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần căn cứ các Điều 90, 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội.

[10] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cho bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ sức giáo dục, đối với bị cáo.

[11] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh N là bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 14.200.000 đồng (gồm 4.200.000 đồng tiền các bị cáo chiếm đoạt và 10.000.000 đồng tiền tổn thất về sức khỏe, tinh thần). Các bị cáo Giáp Văn D, Vi Văn S1, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2 đã tác động đến gia đình bồi thường tổng số 12.200.000 đồng cho anh N (trong đó bị cáo T1 bồi thường số tiền 6.200.000 đồng; bị cáo D bồi thường 2.000.000 đồng; bị cáo S1 bồi thường 2.000.000 đồng; bị cáo T2 bồi thường 2.000.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Văn T3 mặc dù không có trách nhiệm phải bồi thường nhưng cũng đã tác động gia đình bồi thường cho anh N 2.000.000 đồng. Đến nay anh N không yêu cầu bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; ông Dương Minh Q, ông Giáp Văn X, bà Giáp Thị T, bà Hứa Thị S2 không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thay do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về vật chứng: Đối với chiếc dép xộp mà bị cáo Giáp Văn D sử dụng để đánh anh Mai Trọng Hoài N, theo bị cáo D khai, sau đó vài hôm do chiếc dép bị hỏng nên D đã bỏ đi không nhớ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo D nhận dạng đôi dép đối tượng tự đã dùng để đánh anh N. Kết quả bị can D đã xác định đúng chiếc dép tương tự giống chiếc dép mà bị cáo D dùng để đánh anh N ngày 14/7/2023 là loại dép xộp, có chiều dài khoảng 22cm, chiều rộng 9cm, khối lượng 200gam, đế dép mềm.

Đối với chiếc xe mô tô bị cáo D sử dụng để phạm tội ngày 14/7/2023 là do D mượn của người tên là C1 (cùng làm đưa đón nhân viên) nhưng sau đó C1 đã nghỉ làm và về quê ở tỉnh Lạng Sơn (bị cáo D không rõ họ tên đệm, địa chỉ, năm sinh); còn đối với chiếc điện thoại di động bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội quá trình điều tra xác định trước thời điểm đến Cơ quan điều tra đầu thú bị cáo D đã làm bị rơi mất không biết bị rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[14] Đối với anh Vũ Quang K là người được bị cáo D gửi đoạn video clip vụ việc. Tuy nhiên, do anh K không xem video chỉ lưu vào máy nên không biết rõ vụ việc. Ngày 25/9/2023, anh K được Cơ quan điều tra thông báo truy tìm người làm chứng, thông tin tài liệu có liên quan đến vụ việc nên đã đến làm việc và cung cấp thông tin cho Cơ quan điều tra nên anh K không vi phạm pháp luật.

[15] Đối với hành vi đưa anh N lên xe đi cùng về phòng trọ của anh N để lấy căn cước công dân, đưa anh N đến quán nước với mục đích đợi người nhà anh N chuyển tiền trả của bị cáo D và bị cáo S1, qua lời khai anh N thể hiện anh tự nguyện đi cùng bị cáo D, S1 nên hành vi nêu trên không cấu thành tội bắt giữ người trái pháp luật.

[16] Đối với anh Đỗ Văn V1, anh Giáp Văn T6, anh Đinh Quốc T5 không biết việc nhóm của D đánh N để đòi trả tiền hát Karaoke, tiền nhân viên để sau đó trả tiền cho T5 và T6 nên anh V1, anh T6, anh T5 không vi phạm pháp luật.

[17] Việc bị cáo T1 để lại xe mô tô và anh N để lại điện thoại di động Iphone 6 của tại quán Karaoke 162 là do bị cáo T1 và anh N tự nguyện để lại để về phòng trọ lấy tiền, không ai ép buộc do vậy đây là quan hệ dân sự.

[18] Đối với quán K1 do anh Đinh Quốc T5 làm chủ cơ sở, ngày 20/8/2023 bị Công an huyện V (nay là thị xã V) lập biên bản vi phạm không chấp hành quyết định đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy nên ngày 25/8/2023 Chủ tịch UBND huyện V (nay là thị xã V) đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 28/8/2028, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 40.000.000 đồng đối với anh Đinh Quốc T8 nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[19] Về án phí: Các bị cáo D, T1, T2, T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; bị cáo Sinh gia đình thuộc hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[20] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn D 03 năm 09 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

Xử phạt bị cáo Vi Văn S1 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

Xử phạt bị cáo Dương Đức T1 03 năm 03 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 02 năm 03 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 07 tháng tù về tội “*Không tố giác tội phạm*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T3 cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo Giáp Văn D, Dương Đức T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn T3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn S1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- CCTHADS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện